BIỂU TƯỢNG TRONG TIỂU THUYẾT NGUYỄN XUÂN KHÁNH (Khảo sát qua *Hồ Quý Ly, Mẫu thượng ngàn, Đội gạo lên chùa*)

Phùng Phương Nga[1*], Đoàn Đức Hải[2]
[1]*Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên*
[2]*Trung tâm Đào tạo từ xa – ĐH Thái Nguyên*

TÓM TẮT

Có thể nói, sự phát triển của biểu tượng tỉ lệ thuận với sự phát triển của văn học. Biểu tượng trở thành một trong những dấu hiệu chính thức để kết nối, làm nhoè mờ khoảng cách giữa văn học và văn hóa. Vì vậy, biểu tượng không chỉ là phương tiện, là công cụ mà còn là mục đích sáng tác của những nhà văn - nhà văn hóa như Nguyễn Xuân Khánh. Làm rõ được những cách thức sáng tạo biểu tượng trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh không chỉ khẳng định sức mạnh của biểu tượng trong sáng tạo văn học mà còn khẳng định vị thế của văn chương và tầm vóc con người của Nguyễn Xuân Khánh trong "sân chơi" văn học thế kỷ XXI.

Từ khóa: *Biểu tượng, văn hóa, Nguyễn Xuân Khánh, sáng tạo, văn học.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

"Chúng ta đang sống trong một thế giới biểu tượng, biểu tượng cũng sống trong chúng ta" [1,tr.XIX]. Biểu tượng là dấu hiệu đánh dấu nền văn minh nhân loại. Sử dụng, kiến tạo, hay sáng tạo nên biểu tượng đều là thành quả tiến bộ của con người cả về tri thức và văn hóa. Do đó "ngôn ngữ" của sáng tạo văn học nói riêng và nghệ thuật nói chung không thể thiếu được biểu tượng. Nếu như trước đây Macxim Gorki nói: ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học, thì ngày nay J.Chevalier lại nói: "các từ không thể diễn đạt được hết các ý nghĩa của biểu tượng" [1,tr.XIX]. Điều đó có nghĩa rằng biểu tượng bao hàm nhiều nghĩa hơn cả từ. Một tác phẩm sử dụng nhiều biểu tượng, thành công về biểu tượng thì nó chính là "hạt nhân tinh thần khiến cho những tác phẩm ưu tú có chiều sâu và độ vang ngân" [2,tr.31].

Nguyễn Xuân Khánh là nhà văn viết về văn hóa với các chủ đề trọng tâm: văn hóa chính trị, văn hóa tâm linh, văn hóa sinh thái. Vì vậy, biểu tượng trở thành hình thức biểu đạt văn hóa phổ biến trong các tác phẩm. Theo nhiều tài liệu nghiên cứu, trong bộ ba tiểu thuyết *Hồ Quý Ly, Mẫu thượng ngàn, Đội gạo lên chùa*, nhà văn đặc biệt thành công khi sử dụng các biểu tượng về tôn giáo, biểu tượng làng quê, biểu tượng cung đình...Tần xuất nhiều và sự tác động của biểu tượng lớn đến mức biểu tượng còn có cấu trúc riêng, văn bản có cơ chế tạo nghĩa riêng bằng các biểu tượng (Cao Kim Lan). Điểm đặc biệt, nhà văn không chỉ sử dụng những biểu tượng sẵn có mà còn chủ đích kiến tạo biểu tượng. Sự sáng tạo này có ý nghĩa quan trọng trong sơ đồ tạo nghĩa văn bản từ cấu trúc tầng tầng lớp lớp của các biểu tượng. Điển hình trong các biểu tượng được tái tạo, cải biến, kiến tạo; nhà văn đã dụng công và thành công với những biểu tượng nhân hình (những mẫu người văn hóa) và biểu tượng cộng đồng (phục dựng và sáng tạo các lễ hội).

MỘT SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN XUÂN KHÁNH

Biểu tượng nhân hình

Biểu tượng nhân hình là biểu tượng con người. Trong thực tế đời sống, bản thân con người trở thành biểu tượng khi sự xuất hiện đó không nhằm phân biệt về loại, giới tính, y học..., mà đã trở thành điển hình biểu trưng văn hóa nhằm biểu thị cho một quan niệm, một tư tưởng. Nói theo ngôn ngữ hiện đại, họ là những người truyền cảm hứng. Họ có thể là các nhân vật lịch sử đã mất hay đang còn sống, họ có thể là các nhà khoa học, là nghệ sỹ, thậm chí là những người bình thường - có

* *Tel: 0915141514; Email: phungphuongnga@gmail.com*

khi còn bị khuyết tật; nhưng lại có sự lan tỏa về ý chí, nghị lực, tâm hồn đến cộng đồng một cách mạnh mẽ.

Quan niệm về biểu tượng nhân hình có thể lấy cơ sở lý thuyết từ quan niệm của E.Cassirer về biểu tượng từ góc nhìn nhân - triết học. E.Cassirer cho rằng: "tất cả những hình thức nhận thức và hoạt động của con người về cơ bản đều là các hình thức biểu tượng (...) con người đầy đủ nhất là con người như vật biểu tượng (animal symbolism) (...) Không thể nhận thức được bản chất con người mà lại không xem xét con người trong tấm gương văn hóa" [2,tr.52,53]. Như vậy con người sáng tạo nên biểu tượng, nhưng bản thân con người cũng là biểu tượng khi con người xuất hiện ở dạng đầy đủ nhất. Nói cách khác con người là biểu tượng khi con người ở trạng thái hoàn thiện như một hình mẫu.

Hun đúc và tôn thờ biểu tượng nhân hình cũng là ẩn dụ văn hóa trong truyền thống xã hội nói chung và văn học Việt Nam nói riêng. Trong chiều dài lịch sử văn học, từ trung đại đến nay, nhiều nhân vật văn học được tạo dựng cũng đã trở thành những ngôn hình của cuộc sống. Nhiều nhân vật văn học đi từ cuộc đời vào tác phẩm, rồi lại rời tác phẩm và trở thành những huyền thoại của đời thường. Tuy nhiên phổ biến nhất là sự sáng tạo biểu tượng nhân hình trong văn học trung đại, văn học Việt Nam 1945 - 1975. Điển hình như Tnú (*Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành), Võ Thị Sáu (*Hòn đất* - Anh Đức), Út Tịch (*Người mẹ cầm súng* - Nguyễn Thi), Lượm (*Lượm* - Tố Hữu)... Phổ biến trong tiềm thức và giao tiếp của người Việt là các so sánh: đẹp như Kiều, đểu như Sở Khanh, ghen như Hoạn Thư, xấu như Thị Nở, khổ như chị Dậu, khổ như Lão Hạc, phá như Chí Phèo...

Văn học Việt Nam từ sau 1986 đến nay ít có xu hướng kiến tạo các biểu tượng nhân hình. Sự thay đổi các tiêu chí xã hội dẫn đến các hệ giá trị đạo đức có dấu hiệu bị xáo trộn, biểu tượng nhân hình và huyền thoại hóa cá nhân trở thành những thứ xa xỉ trong "nồi lẩu thập cẩm" về nhân cách con người: thật - giả, xấu - tốt lẫn lộn. Trong bối cảnh xã hội – văn học ấy, Nguyễn Xuân Khánh vẫn tái tạo, kiến tạo, sáng tạo các biểu tượng nhân hình. Thậm chí các biểu tượng nhân hình còn xuất hiện theo hệ thống, có quan niệm, có hình tượng cụ thể. Điểm độc đáo là ông không tạo nên những mô hình đơn nhất. Các biểu tượng nhân hình xuất hiện như những mẫu người văn hóa. Các mẫu người văn hóa này lại có nhiều cấu trúc nhân cách, từ đó tạo nên một hệ biểu tượng nhân hình với các góc nhìn soi chiếu khác nhau.

Cùng mẫu hình về người quân tử, có mẫu quân tử kiểu Hồ Nguyên Trừng, lại có mẫu hình kiểu Nguyên Cẩn. Họ rất giống nhau, nhưng cũng rất khác nhau. Sử Văn Hoa gọi Hồ Nguyên Trừng là người có chí. Anh ta có tham vọng, có tham muốn. Giấc mơ lặp đi lặp lại trong cuộc đời Hồ Nguyên Trừng là giấc mơ được bay lên không trung, nhưng lần nào cũng không thể bay lên cao, chỉ là bay là là. Ước mơ ấy vẫn như đang bị giằng níu, giữ lại bởi từ trong sâu thẳm. Hồ Nguyên Trừng còn là người có tình, có lòng nhân. Chân dung Hồ Quý Ly được "giải oan" chủ yếu từ góc nhìn của con trai. Anh ta rất nặng tình với người vợ thâm tình là Quỳnh Hoa, với người tình tri kỷ - Thanh Mai. Người tạo điều kiện để Sử Văn Hoa có thể viết sử trong tù, có thể được thả ra chính là Nguyên Trừng. Vì thế, tham vọng, tham muốn ấy len lỏi; nhưng thầm lặng và kín kẽ. Nguyên Trừng luôn bị giằng xé giữa tham vọng và lòng nhân, giữa dòng máu họ Hồ chảy trong huyết quản và sự giáo dục nho nhã của ông ngoại - cụ lang họ Phạm. Còn Nguyễn Cẩn lại là người phong lưu, giao đãi rộng rãi; thanh mi mục tú, rất giỏi về y thuật. Nhưng một khi Cẩn đã quyết tâm "làm việc lớn" thì chí khí ngút trời, bừng bừng khí hạo nhiên (khí thay đổi núi sông). Cẩn vì muốn lấy lòng tin nơi Thái sư mà sẵn sàng "tịnh thân" (chấp nhận bị hoạn). Cẩn "chẳng thèm lý gì cái miệng thế tầm thường. (...) Làm mà không run sợ. Làm mà không hối tiếc" [3,tr.79]. Hai chân dung về người quân tử nhưng là hai góc nhìn, hai quan niệm khác nhau. Đây cũng là cách tổ chức mô hình về

biểu tượng nhân hình phổ biến trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh.

Cùng mẫu hình về sư thầy, nhưng có mẫu hình sư thầy như sư cụ Vô Úy, lại có mẫu hình như sư bác Khoan Độ, sư bác Vô Trần... Cùng mẫu hình về kẻ sĩ có kiểu kẻ sĩ như Sử Văn Hoa, Trần Nguyên Đán, lại có mẫu kẻ sĩ như Hồ Quý Ly... Cùng mẫu hình về những người tài hoa, có mẫu nam như Nguyên Trừng, Nguyễn Cẩn, Hán Thương (*Hồ Quý Ly*) [3], Trịnh Huyền (*Mẫu thượng ngàn*) [4]; lại có mẫu nữ như Thanh Mai, Quỳnh Hoa (*Hồ Quý Ly*) [3], Nguyệt, Rêu (*Đội gạo lên chùa*) [5]... Nhà nho cũng có vài biểu tượng, "kẻ đi xâm lược" của có dăm bảy dạng, minh chủ cũng đến ba bốn mẫu hình... Tất cả tồn tại song song, bổ sung, chiêu tuyết cho nhau.

Hơn thế, Nguyễn Xuân Khánh còn sáng tạo biểu tượng nhân hình để đối thoại với biểu tượng nhân hình truyền thống. Xu thế giải thiêng và giải oan đều cùng tồn tại trong các mẫu hình. Chân dung ông vua hiền Nghệ Tông được khai mở theo một hệ giá trị mới: hiền có thể đi với nhu nhược. Chân dung Thái sư Hồ Quý Ly cũng được chiêu tuyết, nới rộng đường biên hình ảnh ở các góc nhìn khác nhau. Ngoài hình ảnh về một con người tham vọng, có thâm ý tiếm quyền đoạt ngôi là chân dung một vị tướng tài ba, bản lĩnh, giàu chiến lược quyết sách nhưng cũng là người có cái nhìn quyền lực đại cục (không phải góc nhìn quyền lực theo dòng họ), rất mực chung tình với những người đàn bà của đời mình, và cũng rất mực cô đơn.

Cách thức tổ chức này làm cho tác phẩm có tầm đón đợi được mở ra vô tận. Giải mã văn bản phụ thuộc hoàn toàn vào độc giả. Vì thế, ý nghĩa của các biểu tượng nhân hình càng sâu sắc, sự giàu có thẩm mĩ của tác phẩm càng được nhân rộng. Đây cũng là góc thành công riêng của nhà văn trong việc sử dụng các hình thức biểu đạt văn hóa.

Biểu tượng cộng đồng

Bên cạnh thành công về xây dựng các biểu tượng nhân hình (con người cá nhân, mẫu người văn hóa), tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh còn đặc biệt thu hút người đọc bởi sự tái tạo, thiết lập và cấu trúc hệ thống biểu tượng cộng đồng (biểu tượng chung) đầy sức hấp dẫn. Sự chồng lấn, sắp xếp, tổ chức một cách khoa học các biểu tượng cộng đồng càng khiến cho tác phẩm đầy ắp bầu không khí của biểu tượng. Biểu tượng cộng đồng trở thành hình thức biểu đạt đặc trưng của bộ ba tiểu thuyết.

Hầu khắp các chương truyện của *Hồ Quý Ly, Mẫu thượng ngàn, Đội gạo lên chùa* đều có biểu tượng cộng đồng. Nguyễn Xuân Khánh là nhà văn hóa phục dựng lại các biểu tượng. Từ không gian chung của cộng đồng (chùa, am, đình, làng, rừng, hang, bãi, đường làng, cánh đồng), đến thiên nhiên: cây, hoa, đất, trăng, sông...., đến các hình thức sinh hoạt tập thể: lễ, hội, đám cưới, đám tang..., đều trở thành biểu tượng. Chưa bàn đến ý nghĩa và giá trị văn hóa của các biểu tượng, sự xuất hiện dày đặc và liên tiếp của các biểu tượng cộng đồng còn trở thành một hình thức kết nối văn bản. Toàn bộ câu chuyện và diễn tiến sự kiện, tâm trạng, hành động nhân vật đều có liên quan, hoặc chịu sự chi phối từ các biểu tượng cộng đồng. Kinh thành Thăng Long (*Hồ Quý Ly*), làng Kẻ Đình *(Mẫu thượng ngàn*), Chùa Sọ *(Đội gạo lên chùa)* đều là nơi quy tụ của toàn bộ diễn tiến truyện. Thậm chí, có những biểu tượng còn trở đi trở lại trong tác phẩm, với những nhân vật khác nhau, những sự kiện khác nhau. Ví dụ biểu tượng "cái hang" trong mùa trải ổ. Đây là dấu tích của tình yêu huyền thoại ông Đùng, bà Đà; cũng là nhân chứng cho cuộc yêu thuở thanh xuân và ngày gặp lại của Trịnh Huyền và cô Váy, và là nơi chứng kiến mầm tình cũng như nỗi đau li biệt của Điều và Nhụ.

Một đặc điểm nữa đó là *biểu tượng cộng đồng còn là những kết nối văn hóa*, những ẩn dụ văn hóa xâu chuỗi thời gian. Cùng là hội thề, nhưng Hội thề Đồng Cổ và hội thề Đốn Sơn khác nhau về vị thế, khác nhau về cách thức và cả sự tổ chức. Dù đều cùng mục đích khuếch trương, nhưng nếu như Đồng Cổ cố gắng hồi cố về quá khứ, cố níu chút ánh sáng leo lét còn lại của vàng son quá vãng thì Đốn

Sơn lại ráo riết khẳng định vị thế của ngày mai. Cùng là tiếng kèn, nhưng với điệu kèn Lâm Khốc, trong đám tang bà trưởng Kiên là điệu nức nở buồn thương kết nối cả nỗi đau của ông trưởng và sự ly loạn của Trịnh Huyền, còn trong đám tang bà cả của Lý Cỏn là nỗi ai oán hòa cùng sự hoang mang, thảng thốt. Gắn với tiếng kèn ở hai thời điểm khác nhau, hai không gian khác nhau, hai sự kiện khác nhau là hai lễ tục văn hóa khác nhau, hai vùng văn hóa khác nhau.

Điểm đặc biệt, không chỉ xuất hiện nhiều, các biểu tượng cộng đồng trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh còn được cấu trúc thành hệ thống, xâu chuỗi logic và có tầng tầng, lớp lớp. *Đó là những biểu tượng chồng biểu tượng*. Bản thân mỗi biểu tượng cộng đồng lại là một văn bản, có giá trị, có ý nghĩa và có thể tự thân đứng độc lập. Muốn giải mã Hội thề Đồng Cổ trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly*, bắt buộc phải giải mã về chuông, trống đồng, cờ, lễ phục, cách tổ chức đám rước, điệu hát, đội lọng, nhã nhạc... Muốn hiểu hết ẩn tầng văn hóa trong lễ tục đám tang ở đồng Chiêm Trũng *(Mẫu thượng ngàn)* thì không thể không biết căn nguyên của điệu kèn Lâm Khốc, căn nguyên của hình ảnh quan tài dưới ba tấc đất chìm nghỉm dưới nước. Mã chồng mã, kí hiệu chồng kí hiệu, biểu tượng bao hàm nhiều biểu tượng là một đặc trưng trong biểu đạt văn hóa của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh.

KẾT LUẬN

"Biểu tượng là ngôn ngữ cơ bản của một nền văn hóa, bản sắc của một nền văn hóa được xác định bởi hệ thống biểu tượng của nó" [2,tr.23]. Vì vậy chọn hình thức biểu đạt văn hóa là biểu tượng nhằm thể hiện các chủ đề văn hóa là một sự lựa chọn xuất sắc của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh. Dù là những biểu tượng được sáng tạo (mẫu nhân hình), hay là những biểu tượng được tái tạo (mẫu cộng đồng) thì sự lựa chọn mang tính chủ đích này là một dụng ý nghệ thuật nhiều giá trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jean Chevalier, Alanin Gheerbrant, (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du.
2. Trịnh Bá Đĩnh, (2017), *Từ kí hiệu đến biểu tượng*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Nguyễn Xuân Khánh (2002), *Hồ Quý Ly*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Khánh (2006), *Mẫu thượng ngàn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
5. Nguyễn Xuân Khánh (2011), *Đội gạo lên chùa*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

SUMMARY

SYMBOLS IN NGUYEN XUAN KHANH'S NOVELS
(the cases of novels *Hồ Quý Ly, Mẫu thượng ngàn,* and *Đội gạo lên chùa*)

Phung Phuong Nga[1*], Doan Duc Hai[2]
[1]*TNU University of Sciences,*
[2] *Center for Distance Trainning - TNU*

The development of symbols is directly proportional to the development of literature. Symbols become one of the official signs to connect and blur the gap between literature and culture. Thus, symbols are not only a means but also a purpose of writing by writers - culturalists like Nguyen Xuan Khanh. Clarifying the ways of symbolic creativity in Nguyen Xuan Khanh's novels not only confirms the power of symbols in literary creation, but also affirms the position of Nguyen Xuan Khanh's writing in the 21st century literature.

Key words: *symbols, culture, Nguyen Xuan Khanh, creativity, literature.*

Ngày nhận bài: 14/3/2018; Ngày phản biện: 28/3/2018; Ngày duyệt đăng: 30/3/2018

* *Tel: 0915141514; Email: phungphuongnga@gmail.com*

179(03)
Năm 2018
Tạp chí Khoa học và Công nghệ
Journal of Science and Technology

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content | **Page**

Nghiem Thi Ho Thu - Formation basis of Ngoc Giao's prose characteristics 3

Vu Thi Hanh - From new consiousness of gender characteristics to new women in Vietnamese novels at the beginning of 21st century 9

Pham Thi Ngoc Anh - Applications of water-wave icons on contemporary sculpture of monuments in Viet Nam 15

Phung Phuong Nga, Doan Duc Hai - Symbols in Nguyen Xuan Khanh's novels (the cases of novels *Hồ Quý Ly, Mẫu thượng ngàn,* and *Đội gạo lên chùa*) 21

Vu Thuy Hang, Doan Thi Hong Nhung - Discussion on classification of the motherworship religion 25

Pham Van Hung, Nguyen Huy Hung, Nguyen Thi Thu Huong - Thai Nguyen University's assessment of program learning outcomes through the assessment of senior students near their completion of their undergraduate degree 31

Hoang Duy Tuong - Solutions to enhance physical education efficiency for students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy – Thai Nguyen University 37

Hoang Thu Thuy, Ly Trung Thanh - Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh – who set the foundation for the special relationship between Vietnam and Laos 45

Tran Thi Lan - Applying the tectonic theory to teaching "the basic principles of the Marxism - Leninism" in universities 49

Nguyen Thanh Tu - Some solutions to enhance the quality of teaching and learning English at University of Transport Technology, Thai Nguyen Campus 55

Nguyen Thi Hoai Thu - Methods of active teaching for efficient development of Vietnamese speaking skill for foreign students at Military Technical Academy 61

Ngo Thi Lan Anh, Vo Van Tri - Necessity of educating the consciousness of ecological environment protection for youth in Long Xuyen city, An Giang province 67

Le Van Hieu - Communications projected by the model "propaganda department" in communes, wards, township and "commander" in villages, cities in Bac Ha district (Lao Cai province) 73

Tran Hoang Tinh, Tran Van Khanh, Nguyen Trung Kien - Strengthen examination and evaluation of disciplinary education activities for students at national defense and security education centers in the current phase 79

Nguyen Mai Anh, Nguyen Thi Hoang Lan - Renovation of legal education content in the bachelor's degree program in political education of Thai Nguyen University of Education to meet the requirements of the new general education curriculum 85

Do Thi Ngoc Phuong, Tran Thi Thao - Project power in the study of the English written language used by the second-year English majors at Thai Nguyen University of Education 91

Vu Dinh Bac, Ly Mai Huong, Hoang Thi Hong Hanh - Using group-work activities to improve English speaking skill for the first year English majors at Thai Nguyen University of Education 97

Nguyen Thi Hang, Le Thi Quyen, Nguyen Le Mai, Vu Thi Lenh - Organizing the experiential learning in teaching the theme "pests and disease of plants" (Technology 10 in high school) 103

Nguyen Thi Khuong - Applying the flipped classroom model in teaching citizen education subject in high school 109

Lai Thu Uyen, Vu Dinh Bac, Nguyen Thanh Long - Enhance grammar of third-year students of English major through peer check at Thai Nguyen University of Education 115

Nguyen Thi Hong Chuyen, Ha Thi Nhu Quynh - Imitation technique in improving 2nd year non-English major students' oral competence discourse at Thai Nguyen University of Education 121

Nguyen Nam Ha, Nguyen Thi Thuy - Assessment on physical condition of students at Thai Nguyen University 127

Vu Thi Thanh Thuy, Chu Van Trung, Cao Thuy Linh - Research on the current and potential developments of Thai Nguyen tourism industry 133

Tran Thi Ngoc Ha - Researching household economy model for sustainable management and use on sloping land in tea growing areas in La Bang commune, Dai Tu district, Thai Nguyen province 139

Nguyen Van Tam, Ha Thi Hoa, Bui Thi Minh Ha, Le Thi Hoa Sen, Dang Thi Huong - Impact of resource factors on livelihood diversification of tea growing households in Dai Tu district, Thai Nguyen province 143

Hoang Van Hai, Hoang Thi Thu Hang - The effects of fertilizers on rice yield in Thai Nguyen 149

Dang Thuong Hoai Linh, Ly Thu Trang - The international and Vietnamese laws on protection of well-known trademarks 155

Do Tuyet Ngan - The role of women with community based tourism development in Nghia Lo town, Yen Bai province 163

Vu Thi Thu - Assessing the agricultural land use change under the climate change context in Giao Thuy district, Nam Dinh province 169

Pham Thi Thanh Mai, Tran Le Kim, Nguyen Thi Lan - Enhancing the application of science and technology advances into tea production in Thai Nguyen city 175

Nguyen Thi Bich Hanh, Nguyen Thi Thu Thuy - Assessment of efficiency of agricultural land use in Yen Phuc commune, Van Quan district, Lang Son province 181

Dang Quynh Trinh, Tran Van Hung - Business income tax inspection for non-state enterprises in Pho Yen district, Thai Nguyen province 187